|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /HĐ-ĐHSG | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023* |

**HỢP ĐỒNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-TTg, ngày 25/04/2007 của Thủ tướng Chính phủ  
 về việc thành lập Trường Đại học Sài Gòn;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 Quy định Khoán chi Thực hiện nhiệm vụ Khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ - Bộ Tài chính ban hành;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1164/QĐ-ĐHSG ngày 10/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sài Gòn về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học   
Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 2327/QĐ-ĐHSG ngày 15/11/2021, về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 3109/QĐ-ĐHSG ngày 30/12/20222, về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2022-2023 của Trường Đại học Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 2825/QĐ-ĐHSG ngày 27/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn về việc chấp thuận đề tài khoa học cấp trường củasinh viên năm học 2023-2024;

Sau khi xem xét mục tiêu, nội dung nghiên cứu của Đề tài NCKH (sau đây gọi tắt là Đề tài):

Cải tiến thuật toán phân lớp kết hợp

Mã số: SV2023-127

**Bên A : Trường Đại học Sài Gòn**

- Đại diện là : PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

- Chức vụ : Hiệu trưởng

- Số tài khoản : 3714.0.1086078.00000 – Tại Kho bạc Nhà nước TP. HCM

**Bên B : Trần Anh Tuấn**

- Ngành học : Công nghệ thông tin

- Địa chỉ : 86 Trần Đình Xu Phường Cô Giang Quận 1 TPHCM

- Điện thoại : 0373960170

- Số tài khoản : 1606206283149

- Ngân hàng Agribank, CN An Phú

- Giáo viên HD : TS. Nguyễn Quốc Huy

Cùng thảo thuận và thống nhất kí kết hợp đồng nghiên cứu khoa học (gọi tắt là hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1**. Bên B chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các nội dung nghiên cứu như đã đăng ký. Hoàn thành Đề tài nêu trên theo đúng thời hạn quy định. Thuyết minh đề tài là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

**Điều 2**. **Thời gian thực hiện Hợp đồng**

Thời gian thực hiện đề tài là 6 tháng, từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 4 năm 2024

Thời gian nộp sản phẩm trước ngày 03 tháng 5 năm 2024.

**Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài**

1. Đề tài được thực hiện theo hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)

3. Chuyển kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên qua tài khoản Trường Đại học Sài Gòn. Số tài khoản: 1606201030610 – Ngân hàng Agribank, CN An Phú.

4. Kinh phí được thanh toán một lần, sau khi đề tài được nghiệm thu.

Hồ sơ thanh toán gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài;

- Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu;

- Quyết định công nhận kết quả đề tài;

- Bản quyết toán kinh phí (do chủ nhiệm đề tài kê khai) vá các chứng từ, hóa đơn hợp lệ;

- Biên bản bàn giao sản phẩm;

- Biên bản thanh lý hợp đồng.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

**1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

1. Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;
2. Bên A cấp kinh phí thực hiện đề tài 1 lần cho bên B sau khi đề tài đã được nghiệm thu và đã được Nhà trường công nhận kết quả;
3. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu được ghi trong Thuyết minh;
4. Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;
5. Tiếp nhận kết quả thực hiện đề tài, bàn giao kết quả thực hiện đề tài cho tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;
6. Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của đề tài và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Đề tài (nếu có);
7. Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài (nếu có) theo quy định hiện hành;
8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

1. Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;
2. Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;
3. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;
4. Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết;
5. Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng, tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với đề tài theo quy định của pháp luật;
6. Khi kết thúc đề tài, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tổ chức đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;
7. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;
8. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);
9. Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện đề tài tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;
10. Công bố sản phẩm sau nghiệm thu của đề tài: chỉ thực hiện khi được Bên A cho phép;
11. Chủ nhiệm đề tài cùng các cá nhân tham gia thực hiện ghi trong thuyết minh được đứng tên tác giả trong đề tài và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện đề tài theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);
12. Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc của tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện đề tài;
13. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện đề tài theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;
14. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định của pháp luật.

5. Bên A:

- Không cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng;

- Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng**

1. Đề tài đã kết thúc và được đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

2. Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt”:

- Trường hợp do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn và các trường hợp khách quan khác do Bên A xem xét quyết định cụ thể): Bên B không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng.

- Trường hợp do nguyên nhân chủ quan: căn cứ trên kết quả đánh giá thực tế, Bên A xem xét, quyết định mức kinh phí mà Bên B phải hoàn trả, nhưng không dưới 40% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng đúng quy định.

- Trường hợp do nguyên nhân chủ quan và Bên B không chứng minh được kinh phí đã sử dụng đúng quy định: Bên B phải hoàn trả 100% kinh phí đã sử dụng.

3. Đối với Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

Trường hợp Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng và thu hồi số kinh phí còn lại chưa sử dụng.

4. Đề tài bị đình chỉ theo quyết định của Bên A hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định của pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả 100% kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp.

5. Đối với Đề tài không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Chế tài xử lý đối với trường hợp Đề tài không hoàn thành**

1. Bên B có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Bên A ban hành quyết định về việc hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước.

2. Bên B không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp. Đề tài có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tham gia các giải thưởng về NCKH liên quan mà Bên A phổ biến.

**Điều 8. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng**

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản mua sắm hoặc hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho đề tài được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của đề tài sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

**Điều 9. Điều khoản chung**

1. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết cho các bên theo quy định của pháp luật.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

**Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày kí. Hợp đồng gồm có 04 trang, được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lí như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu phòng Quản lý Khoa học, 01 bản gửi Phòng Kế hoạch Tài chính.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN B**  **CHỦ NGHIỆM ĐỀ TÀI**  **Trần Anh Tuấn** | **ĐẠI DIỆN BÊN A**  **HIỆU TRƯỞNG**  **Phạm Hoàng Quân** |
| **XÁC NHẬN CỦA CBHD**  **Nguyễn Quốc Huy** |  |